TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2024
Về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bình** – Ông **Nguyễn Văn Cơ**
- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Thùy Trang** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Hiền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị B - sinh năm 1986; Địa chỉ: Số D, tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Trần Phi S - sinh năm 1974; Địa chỉ: Số D, tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị B và ông Đỗ Trần Phi S kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng và sau đó chuyển đến sinh sống tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống thì từ năm 2010 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cá độ bóng đá dẫn đến phát tán tài sản gia đình, vợ chồng phải bán nhà

trả nợ và ở nhà thuê. Bà B nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông S vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù sống chung một nhà nhưng khoảng 02 năm nay vợ chồng sống ly thân, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên bà B đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Võ Thị B khai nhận có 03 con chung là Đỗ Võ Kim N – sinh ngày 31/01/2004, Đỗ Phú S1 – sinh ngày 18/3/2020 và Đỗ Võ Kim N1 – sinh ngày 07/6/2020.

Con chung Đỗ Võ Kim N – sinh ngày 31/01/2004 đã thành niên nên bà Võ Thị Ba không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà; từ trước đến nay các con chung đều do bà B chăm sóc nên nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của bà B là được nuôi 02 con chung Đỗ Phú S1 – sinh ngày 18/3/2020 và Đỗ Võ Kim N1 – sinh ngày 07/6/2020; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:* Bà Võ Thị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn - ông Đỗ Trần Phi S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Võ Thị B được ly hôn với ông Đỗ Trần Phi S; con chung Đỗ Võ Kim N – sinh ngày 31/01/2004 đã thành niên nên bà Võ Thị Ba k yêu cầu Tòa án giải quyết, giao bà Võ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đỗ Phú S1 – sinh ngày 18/3/2020 và Đỗ Võ Kim N1 – sinh ngày 07/6/2020, ông Đỗ Trần Phi S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung bà Võ Thị B khai nhận không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Võ Thị B với bị đơn ông Đỗ Trần Phi S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn ông Đỗ Trần Phi S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Đỗ Trần Phi S vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Đỗ Trần Phi S.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B đối với ông Đỗ Trần Phi S thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị B và ông Đỗ Trần Phi S đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06, quyển số 01, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà Võ Thị B cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, ông B không có trách nhiệm với gia đình, phát tán tài sản của gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Đỗ Trần Phi S vắng mặt không có lý do, bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng.

HĐXX xét thấy, qua xác minh thì chính quyền địa phương nơi ông Đỗ Trần Phi S và bà Võ Thị B sống chung xác nhận vợ chồng bà B và ông S có mâu thuẫn là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông S và bà B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị B xác nhận bà và ông Đỗ Trần Phi S có 03 con chung là Đỗ Võ Kim N – sinh ngày 31/01/2004, Đỗ Phú S1 – sinh ngày 18/3/2020 và Đỗ Võ Kim N1 – sinh ngày 07/6/2020. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đỗ

Phú S1 – sinh ngày 18/3/2020 và Đỗ Võ Kim N1 – sinh ngày 07/6/2020, không yêu cầu ông Đỗ Trần Phi S cấp dưỡng nuôi con; con chung Đỗ Võ Kim N – sinh ngày 31/01/2004 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

HĐXX xét thấy các con chung còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, ông Đỗ Trần Phi S làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà, việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung không đảm bảo. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông S không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B về việc nuôi con, giao các con chung Đỗ Phú S1 – sinh ngày 18/3/2020 và Đỗ Võ Kim N1 – sinh ngày 07/6/2020 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Bà Võ Thị Ba không yêu cầu ông Đỗ Trần Phi S cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Con chung Đỗ Võ Kim N – sinh ngày 31/01/2004 đã thành niên nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị B khai nhận vợ chồng không có tài sản chung; không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà Võ Thị B và ông Đỗ Trần Phi S có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Võ Thị Ba phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*"* của bà Võ Thị B đối với ông Đỗ Trần Phi S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị B được ly hôn ông Đỗ Trần Phi S.

2. Về quan hệ con chung:

Con chung Đỗ Võ Kim N – sinh ngày 31/01/2004 đã thanh niên nên HĐXX không xem xét.

Giao các con chung Đỗ Phú S1 – sinh ngày 18/3/2020 và Đỗ Võ Kim N1 – sinh ngày 07/6/2020 cho bà Võ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đỗ Trần Phi S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị B khai nhận không có tài sản chung, xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Võ Thị Ba phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000530 ngày 12.4.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Võ Thị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- UBND phường T, quận H;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 ngày 19/01/2006)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh